

ĐỘNG PHONG NHA

ĐƯỢC BIẾT ĐẾN HƠN NGÀN NĂM LỊCH SỬ

NGUYỄN NGỌC TRAI

Tìm hiểu Động Phong Nha, chúng ta thấy dấu tích con người vào đây hơn ngàn năm, từ thời kỳ thuộc Chiêm Thành. Tuy nhiên, động có tên mà đến nay chúng tôi biết từ thế kỷ 16. Lúc đầu có tên động Chân Linh đến động Tiên Sư và khoảng đầu thế kỷ 20 là động Phong Nha. Động đã được các vua triều Nguyễn sắc phong thần Hiển Linh, thần Ứng Diệu.

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày ba nội dung: Động Phong Nha qua các thời kỳ lịch sử; kiến giải ngữ nghĩa tên động; tên Phong Nha có từ khi nào?

1. Động Phong Nha qua các thời kỳ lịch sử.

+ Từ thế kỷ thứ 8, 9 trên đất Quảng Bình để lại nhiều dấu tích người Chiêm Thành (Nguyễn Ngọc Trai. Dấu tích Chiêm Thành trên đất Quảng Bình đăng trên tạp chí Văn hóa Quảng Bình Số 11 năm 2009), trong đó có hang động Phong Nha. Như vậy chứng tỏ con người đã tìm đến Phong Nha hơn ngàn năm Lịch sử.

+ Sử sách ghi chép về tên động qua các thời kỳ.

Sách xưa chép về Phong Nha gồm Ô châu cận lục của Dương Văn An, Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, Lịch triều hiến chương loại chí của Phan Huy Chú, Đại nam thực lục, Đồng Khánh dư địa chí của Quốc sử quán triều Nguyễn.

Qua sách chép, con người như lạc chốn Đào Nguyên - Bồng Lai - Tiên cảnh, có Phật có Tiên Nữ; hư thực cảnh trần cảnh tiên huyền diệu và thâm u.

Theo sách Ô châu cận lục của Dương Văn An có viết Động Chân Linh (tức động linh thiêng, ứng nghiệm): “Tại nguồn Chân Linh châu Bồ Chính, lưng núi liền núi biếc, mặt soi xuống sông xanh, bên dưới nước như màu chàm, bên trên rêu đá phủ thảm xanh. Động có cửa vào, cửa hẹp vừa một chiếc thuyền, bên trong dần dần mở rộng. Người dạo xem phải đi thuyền. Trước hết phải thanh tâm trì giới, mới được nước lạnh sóng yên, gió tan mù tản. Rồi thấp nước theo dòng chảy mà vào. Thoạt

nghe gió thổi như đàn, âm vang trong động như muôn tiếng sáo. Đi vào chừng trăm dặm, có khoảng trống như miệng cá, mở ra cảnh đất trời sáng sủa, mặt trời, mặt trăng soi tỏ, cỏ yên mây lặng không còn cảnh trần tục. Chim hót đón người, hoa chào mời khách, thật là riêng một cõi trời đất. Có tảng đá lớn bằng phẳng, có bàn cờ, con cờ. Bốn bên vách đá như đẽo gọt, xen những phiến có lấm chấm nhỏ, chỗ có dáng đồng tiền, chỗ như sợi tóc, chỗ như dáng người, chỗ như ngọc đong. Nước biếc hơn mắt nhà sư, núi xanh tươi hơn đầu Phật. Chim dạo in dấu chân trên cát; cá giỡn sông, nước chẳng gợn tằm. Dẫu là cảnh trí nguồn Đào cũng không thể tô điểm gì thêm. Khách văn chương trong huyện, nhiều người đề vịnh nơi đây, người đời sau xem chỗ đề thơ, tựa như có những vòng khuyên lỗ chỗ.

Tục truyền trong động có cái hộp vàng chìm sâu đáy nước, một người thuật sĩ muốn vào lấy đi. Vừa tới cửa động dân địa phương bảo rằng sóng gió chẳng thuận, không thể vào được. Người kia tự phụ cho là có thuật thần tiên, quấy chèo mà tiến. Lát sau nghe có tiếng tù và, tiếng trống gióng lên âm âm, cả bọn nhìn nhau thất sắc, quay thuyền trở về. Việc linh dị (linh thiêng đặc biệt) đại loại như thế. Thơ có câu rằng:

*Động môn vô tỏa thược,
Tục khách bất tăng lai*
(Cửa động không then khóa
Khách tục thể nào qua)
Cũng đúng với chuyện này.

Đến thế kỷ 18 tên động vẫn giữ tên động Chân Linh.

Đến Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn chép hang động này: “Động Chân Linh ở nguồn Chân Linh châu Bồ Chính, sau lưng là núi, trước mặt là nước (*Bồi sơn hướng thủy*) cửa động hẹp chỉ lọt một cái xuồng, trong động rộng rãi. Người đi xem cầm đuốc men trên bộ mà vào, đi bộ 100 dặm thì có một cái cửa vào trong ấy thấy trời đất, mặt trời, mặt trăng, mây rắng, cỏ hoa, rõ ràng là một thế giới. (*Thiên địa nhật nguyệt vân hà hoa thảo*) Có phiến đá to bằng phẳng như bàn cờ, có con cờ. Bốn bề là vách đá như ngọc đẽo thành. Cảnh vật lạ đẹp, trong có nhiều bài thơ đề vịnh”.

Đến những năm đầu triều Nguyễn (thế kỷ 19) vẫn giữ tên động Chân Linh. Sách Lịch triều hiến

chương loại chí của Phan Huy Chú (viết từ thời vua Gia Long đến năm Minh Mạng thứ 3 tức năm 1821 trình nhà vua) chép: “Động Chân Linh quay lưng vào núi, quay mặt ra sông. Cửa động hẹp chỉ vừa một con thuyền nhỏ đi lọt, đến giữa động dần dần mở rộng ra. Người vào xem động, cầm đuốc, theo đường thủy mà vào, ước chừng 100 dặm, có một cái cửa, qua cửa ấy thì thấy trời đất, mặt trăng, dáng mây, hoa cỏ y như một thế gian khác. Có phiến đá to bằng phẳng như bàn cờ, có cả quân cờ, bốn chung quanh vách đá phẳng nhẵn do trời tạc ra. Cảnh vật lạ mà đẹp, trong ấy có nhiều thơ đề vịnh.

Tên động Chân Linh đã có đến trên 250 năm, bắt đầu từ trước năm 1558 (Dương Văn An viết Ô châu cận lục) và đến trước năm 1821 (Phan Huy Chú - Lịch triều hiến chương loại chí).

Vào thời Tự Đức, động Phong Nha đã đổi thành động Thầy Tiên (Tiên Sư), gia phong thần Ứng Diệu.

Sách Đại Nam nhất thống chí chép về động Tiên Sư: “Ở cách huyện Bồ Trạch 40 dặm về phía Tây, lại có tên động Núi Thầy, lưng động dốc như vách, thâm u sâu thẳm; trong động thạch nhũ rủ xuống, hoặc như cây hoa, hoặc như chuỗi ngọc, hoặc như tượng Phật, hoặc như gấm vóc, phong cảnh thanh u; cửa động nhỏ hẹp, theo dòng nước đi vào khoảng hơn trăm tượng, thì địa thế mở rộng, có một đồng cát trắng, trước kia có tượng đá như hình người Tiên, người địa phương phụng thờ ở đây; triều trước sắc phong làm thần Hiển linh (Thần hiển rõ Linh thiêng, như: chờ xem ắt thấy hiển linh bấy giờ), ban cấp cho đồ thờ, chép vào điển thờ, sau trải qua binh cách, bị bỏ đã lâu; đến năm Minh Mạng thứ 5, gia phong làm thần Ứng Diệu hai từ này có nghĩa là: Ứng với vua Tự Đức với nghĩa từ nguyên: nên danh, xứng danh, trong câu: Ứng, nên danh xây dựng Sơn Hà/Bửu, bồi báu lợi tha quân chúng); Diệu từ nguyên: đẹp, tuyệt diệu (xứng danh tuyệt đẹp).

Sách Đồng Khánh Dư địa chí, vào năm 1885, trong phần viết tình hình chung Quảng Bình miêu tả động Tiên Sư: “Nói về cảnh thiên nhiên kỳ diệu thì có động Tiên Sư, suối đá trong xanh tĩnh mịch khiến cho người ta yên thích...”, “Di tích ngàn thu chỉ còn lưu lại cái tên Tiên Sư (Thầy Tiên), Tiên Nữ, rớt cuộc thì cũng chẳng biết rõ thời đại họ tên

thế nào”; khi viết về huyện Bồ Trạch mô tả sách chép thêm: “Ở địa phận trang Phong Nha, trong động thạch nhũ rủ xuống như xiêm y nghệ thuật, có 3 tảng đá hình người, dân xã thờ cúng, cầu mưa nhiều lần ứng nghiệm, đã được triều đình phong tặng. Cửa động có dòng suối thông ra sông Châu Nguyên (sông Sơn), thuyền nhỏ có thể ra vào được. Ngoài động phía bên trái có tảng đá trong như chiếc bàn cờ.

+ Động Phong Nha hấp dẫn các nhà thám hiểm và du khách nước ngoài.

Thời kỳ Pháp các học giả, các nhà nghiên cứu đến Quảng Bình đều vào động Phong Nha và để lại nhiều bài viết còn lưu lại.

Sớm nhất có lẽ là Linh mục người Pháp R.D.Cadière vào khoảng cuối năm 1899. Ông viết cho Giám đốc trường Viễn Đông Bác cổ Louis Finot: “Những gì còn lại đó đều rất quý báu đối với sử học. Giữ gìn nó là giúp ích không ít cho khoa học”.

Một người Pháp khác Ông M.C.Paris viết: “Bên phải lối vào động có bàn thờ gạch của người Chiêm Thành do người An Nam trét lại. Ngày xưa có một bức tượng đá để trên bàn thờ, cẳng chân xếp vào nhau, có hình chữ vạn trước ngực, khăn cuốn đầu che kín gáy.

Tháng 5 năm 1929, ông Bouffter nghiên cứu hang động trong 3 ngày, bắt đầu vào ngày 24 tháng 5 năm 1929. Mục đích của chuyến đi được xác định là tìm nơi xuất phát của nguồn nước khởi đầu của các động này, bằng cách dò theo dòng nước đi xa nhất và nhanh nhất có thể được... Bài tường thuật khá dài 16 trang và có đến 3 bản vẽ các hang động^(*) (chúng tôi chỉ ghi lại mục đích chuyến đi, còn nội dung xem trong tập 4 - Những người bạn cố đô Huế. Trang 469).

Cuộc khám phá tháng 7 năm 1931 của 2 giáo sư người Pháp là M.Antoine và M.Michenl, trường trung học Vinh. Các giáo sư mô tả khá lý thú phong cảnh trên đường đi vào động: “Có thể tìm thấy trong các bụi rậm và các lùm cây xung quanh chim thú rất phong phú: các loại chim cu, gà rừng, công, nhím, sóc, nai; có cả các loại thú có lông màu vàng xám”. Đoàn đi cả động Phong Nha và động Hang Túi đến 19 ngày^(*) (Bản tường trình 19 trang).

Người Anh đầu tiên tên là Barton cũng đã vào đây vào tháng 7 năm 1924. Ông BOUFFIER cho

biết Barton ở trong hang Phong Nha đến 14 ngày. Theo ông Thái Văn Kiểm, người từng lâu năm sống và nghiên cứu địa lý Quảng Bình trước đây cho rằng “Phong Nha là Đệ nhất kỳ quan” và theo ông Barton, nhà chiêm tinh học người Anh cho rằng động Phong Nha không kém gì động Padirac của Pháp hay CuevasdelDrachs ở Mallorca của đất nước quê hương, mà chỉ có người Châu Âu thăm viếng nhiều còn người Việt Nam chưa mấy ai lui tới chỉ vì giao thông cách trở, vì chiến tranh cản ngăn.

Tuy nhiên, các đợt thám hiểm, nghiên cứu người Pháp, người Anh cũng chỉ dừng lại ở hang động Phong Nha, bởi vì có một tác giả nghiên cứu người Pháp là Dierre Gou Rou người nhiều năm ở Đông Dương viết: “*Đây là một vùng hoang vắng đến rợn người, không một bóng người, một vùng hoang mạc đá vô rộng nhất thế giới; đây là một vùng rừng nghèo trên núi đá*”.

Vì thế, cho nên thời Pháp và sau này chỉ thống kê rừng ở Quảng Bình chỉ 500.000ha, không thống kê rừng cho rằng rừng Phong Nha là một vùng rừng nghèo.

+ Từ ngày hòa bình năm 1954 đến nay.

Sau chiến tranh thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế, các đoàn điều tra rừng Trung ương cũng như tỉnh Quảng Bình cũng căn cứ tài liệu trên để đánh giá rừng Quảng Bình. Do nhiều nguyên nhân khách quan chủ quan các nhà khoa học, các học giả hầu như không nghiên cứu rừng Phong Nha - Kẻ Bàng.

Đầu những năm 1990, hang động Phong Nha - Kẻ Bàng mới được bắt đầu vén tấm màn bí ẩn, huyền bí mà tạo hóa đã để lại trên dưới 450 triệu năm về trước.

Các nhà Khoa học Việt Nam và ở tỉnh mới bắt đầu đi sâu khảo sát toàn vùng trên 146.000ha rừng, trong đó khoanh lại 85.000ha đất rừng và khối núi đá Karst đề nghị công nhận di sản thiên nhiên thế giới. Đây là vùng rừng nguyên sinh có độ che phủ đến 96,2% diện tích, trong đó 95% diện tích vườn Quốc gia là của hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên núi đá vôi điển hình còn sót lại và hầu như chưa bị tác động.

Đoàn thám hiểm Hiệp hội Hang động Hoàng Gia Anh với sự công tác của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội và cơ quan văn hóa địa phương vào

nghiên cứu hang động Phong Nha và rừng Phong Nha trong 3 đợt: Đợt đầu từ ngày 24 tháng 3 đến ngày 01 tháng 5 năm 1990; đợt 2 từ ngày 18 tháng 3 đến ngày 18 tháng 4 năm 1992; đợt 3 vào tháng 3 năm 1994, tiếp tục khảo sát thêm về động Phong Nha, Hang Vòm và một số hang động khác ở các vùng phụ cận.

Năm 2009, Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh phát hiện hang động lớn nhất thế giới giữa Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha - Kẻ Bàng có tên Sơn Đoòng. Hang cao gần 243,84m (có thể chứa tòa nhà cao tầng 40 tầng của thành phố New York, Mỹ), bề rộng khoảng 91,44m, có chiều dài 9km (tạp chí National Geographic ngày 17 tháng 12 năm 2010).

Đặc biệt vào tháng 4 năm 1992, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân đã vào nghiên cứu, tham quan hang động Phong Nha. Trước khi vào hang động, Đại tướng được nghe đoàn thám hiểm hang động của Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh và Trường Đại học Tổng Hợp báo cáo kết quả 2 đợt nghiên cứu rừng Phong Nha - Kẻ Bàng và động Phong Nha. Đại tướng đã viết cho tập sách tuyển tập cho các công trình nghiên cứu khoa học về Karst nhiệt đới Việt Nam và quyển Kỳ quan hang động Việt Nam:

“Nghiên cứu hang động Karst phục vụ du lịch và các ngành kinh tế và khoa học là một công tác quan trọng cần làm cho thật tốt luôn luôn chú trọng bảo vệ môi trường” (về các kết quả nghiên cứu thời gian này, sách đã viết rất phong phú, đa dạng, nên chúng tôi ghi chép một số nét tổng quát trên).

2. Kiến giải về ngữ nghĩa Phong Nha.

+ Hiện tại, chúng tôi được biết không nhiều cách giải nghĩa: Phong là gió; còn Nha là răng, có nghĩa là răng của gió; hay gió thổi qua cửa động như hơi thở qua kẽ răng (thạch nhũ rủ xuống như những chiếc răng)... Kiến giải như vậy xem ra chưa ổn, chưa nói lên những dấu ấn chân linh, huyền bí của vùng hệ thống hang động; chưa gần với những gì sách xưa viết về Phong Nha.

+ Kiến giải qua tự dạng chữ Hán người xưa.

Chúng tôi đã tìm được quyển sách bằng chữ Hán viết về Phong Nha: Sách Đồng Khánh dư địa

chí của Quốc sử quán triều Nguyễn. Các quyển sách trên đều viết: Phong Nha là: 峰衙

Từ nguyên cổ: **Phong:** 峰 nghĩa là đỉnh núi, chóp núi, ngọn núi...

Nha: 衙 nghĩa là nơi ở, nơi làm việc quan, nơi làm việc công...

Cho nên Phong Nha không liên quan đến gió, đến răng.

Theo chúng tôi, Phong Nha theo Hán Việt từ nguyên có nghĩa là những đỉnh núi nơi ở, nơi làm việc (của các bậc Thánh, Thần, Phật, Tiên). Phong Nha - những đỉnh núi thiêng là nơi ở, nơi làm việc của các vị Tiên, các vị Phật, các vị Thánh. Bởi vì theo cổ nhân xưa cho rằng núi non và các con sông Phong Nha - Kẻ Bàng hội đủ các điều kiện tạo nên linh khí, tụ khí mạnh - vùng địa linh. Phong Nha - Kẻ Bàng cùng nhiều vùng đất trên Quảng Bình cũng là những vùng đất địa linh. Người xưa cho rằng là vùng đất địa linh có quy mô lớn, nhân kiệt nhiều là vậy.

Cách kiến giải tên động còn tùy theo cách cảm nhận, góc nhìn, cách nhìn của mỗi người, càng làm cho hang động càng đẹp, hấp dẫn thêm.

3. Phong Nha có từ khi nào?

Qua Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn (bản dịch của Ngô Thế Long năm 2007): Phong Nha có sớm nhất trước năm 1776 với địa danh làng Phong Nha. Sách đã chép: “Trong tổng Trứ Lễ, gồm 17 xã, 7 phường, 6 trang có ghi Kim Sơn, Phong Nha, Gia Chiêu, Thanh Lãng...” (*) Khoảng sau năm 1885, động Tiên Sư mới có tên Động Phong Nha.

Phong Nha - Kẻ Bàng không những là địa chỉ tham quan di sản thiên nhiên thế giới nổi tiếng mà còn là nhu cầu tâm linh, một nhu cầu phát triển mạnh ở thế kỷ 21, vì thế khi nghiên cứu và đầu tư những công trình vào đây, theo chúng tôi cần đặc biệt quan tâm nội dung này.

N.N.T

(*) Các cuốn sách Ô châu cận lục của Dương Văn An (tr23), Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn (tr124), Lịch triều hiến chương loại chí (Tập 1, tr 193) của Phan Huy Chú người dịch chú thích động Chân Linh sau này là động Phong Nha.

(**) Những người bạn Cổ đô Huế tập 19.

(***) Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục. NXB Văn hóa Thông tin. Năm 2007, trang 105)